

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 361/2024/DS-PT

Ngày: 05-7-2024

V/v tranh chấp: “Tranh chấp
quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm
dứt hành vi cản trở việc thực hiện
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thuý

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 05 năm 2024 về tranh chấp “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244 /2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu O, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Lê Khắc Đông N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền ngày 04/12/2023).

3.2 Anh Phạm Thiên T1, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3 Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: Số A phố T, phường C, Quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Thiên T2 – Giám đốc Ngân hàng TMCP C, chi nhánh T4.

Địa chỉ: Số A N, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền số 825/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 16/8/2023). (có đơn xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Thu O.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Khắc Đông N trình bày:

Vào năm 1996 anh T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của nhiều hộ dân tại ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Các hộ chuyển nhượng cho anh T gồm: Nguyễn Văn N1, Phan Thị H, Trương Văn M, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị Ngọc D và Nguyễn Văn L. Đến ngày 12/8/2004 anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 504, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.285m² loại đất Q và thửa đất số 650, tờ bản đồ số 4, diện tích 13.973m² loại đất T + Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/8/2004 cho hộ gia đình do anh T đại diện đứng tên. Do có ý định đi định cư ở nước ngoài nên trong năm 2004 anh T làm thủ tục tặng cho em ruột là Nguyễn Hoàng T3 đứng tên toàn bộ diện tích 02 thửa đất này. Mục đích anh T tặng cho anh T3 là để anh T3 giữ đất giùm anh. Do không định cư được nên đến năm 2006 anh T3 đã sang tên lại cho anh T đối với thửa đất số 650, anh T đại diện hộ đứng tên tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Hoàng T3 ngày 20/12/2004, ghi chú biến động ngày 25/01/2006. Đối với thửa đất số 504 anh T3 không đồng ý giao lại và anh T cũng không tranh chấp. Đến năm 2010, anh T3 đã chuyển nhượng cho em ruột anh là chị Nguyễn Thị Thu O thửa đất 504 và chị O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/9/2010.

Diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 126m², hiện trạng là con mương, nguồn gốc con mương gắn liền với thửa đất anh T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N1 vào năm 1996. Đến năm 1997, anh T đào tiếp qua các thửa đất của các hộ khác để nối tiếp con mương có sẵn 1,5m và tiếp tục mở rộng mương về phía thửa 650 nên hiện trạng chiều ngang mương là trên 3m. Thời điểm anh T3 làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh T đối với thửa đất này trong hồ sơ cấp giấy có thể hiện trọn mương thuộc thửa 650 thuộc quyền sử dụng của anh T. Tuy nhiên đến năm 2016 anh T tiến hành làm hàng rào trên phần mương này thì bị chị O ngăn cản và có đơn tranh chấp vì chị O cho rằng mương là của chị.

Anh T và chị O đã từng tranh chấp và được Tòa án sơ thẩm, phúc thẩm giải quyết, kết quả xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh, đến cấp phúc thẩm do được sự động viên, hòa giải thống nhất cho anh được sử dụng đất như phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm nên anh đã đồng ý rút đơn. Tuy nhiên, đến tháng 3/2021, chị O ngang nhiên qua phần đất tranh chấp chặt chuối, chặt cỏ do anh trồng và vẫn nói chị O đã có giấy đất năm 2010, giấy đất có ghi phần mương 3m nên mương đó của chị O. Chị O đã không thực hiện theo thỏa thuận do Tòa án cấp phúc thẩm hòa giải ngày 09/9/2020. Nay anh yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu O chấm dứt hành vi cản trở anh thực hiện quyền sử dụng diện tích đất 126m² và công nhận diện tích đất 126m² là 01 phần thuộc thửa 650, tờ bản đồ số 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/8/2004. Đồng thời yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu O trả lại toàn bộ chi phí trích lục, đo đạc phục vụ cho vụ kiện trước đây (theo biên lai chứng từ anh T đã đóng vào năm 2017).

** Theo bị đơn chị Nguyễn Thị Thu O trình bày:*

Chị thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 504, 650 là của anh Nguyễn Hoàng T. Đến năm 2004 anh T làm thủ tục tặng cho em ruột là anh T3 toàn bộ 02 thửa đất. Năm 2010 anh T3 đã làm thủ tục tặng cho chị thửa đất số 504 và chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/9/2010, khi ký chuyển quyền sử dụng đất có anh T ký giáp ranh và trong sơ đồ bản vẽ có thể hiện con mương thuộc thửa 504. Chị xác định con mương thuộc quyền sử dụng của chị nên chị không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T.

** Theo đơn xin vắng mặt ngày 06/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thiên T1 trình bày:*

Anh là chồng của chị Nguyễn Thị Thu O, anh đồng ý với ý kiến của chị O và xin vắng mặt khi hòa giải, xét xử vụ án.

** Theo văn bản số 663/CNTG-KHDN ngày 11/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C có người đại diện ông Từ Thiên T2 trình bày:*

Ngân hàng TMCP C có nhận thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho hộ ông Nguyễn Hoàng T đối với thửa đất số 650, tờ bản đồ số 04, diện tích 13.973m² tọa lạc ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thủ tục đăng ký thế chấp đúng quy định. Ngân hàng không có ý kiến đối với sự việc tranh chấp, đồng thời có văn bản xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 23-02-2024 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định áp dụng Điều 164, Điều 166, Điều 169, Điều 175 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu O chấm dứt hành vi cản trở anh Nguyễn Hoàng T thực hiện quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 126m² và công nhận diện tích đất 126m² tọa lạc ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là phần đất thuộc thửa 650, tờ bản đồ số 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 056454 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Hoàng T ngày 18/8/2020. Phần đất 126m² có tứ cận:

Đông giáp phần đất 13m² thuộc thửa đất 504;

Tây giáp thửa đất 650;

Nam giáp thửa đất 650;

Bắc giáp thửa đất 650;

(có sơ đồ đo đạc diện tích đất tranh chấp kèm theo)

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh biên độ hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu O trả lại chi phí tố tụng theo các biên lai thu chi phí tố tụng năm 2017. Anh Nguyễn Hoàng T được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/3/2024 chị Nguyễn Thị Thu O có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định án sơ thẩm, chị yêu cầu cấp phúc thẩm xác định con mương thuộc quyền sử dụng của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị O.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu O vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm chị O không cung cấp được chứng cứ gì mới đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

ĐÌNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Thu O còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất”.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu O, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Khắc Đông N có đại diện theo uỷ quyền anh Nguyễn Hoàng T tất cả đều có mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C đã được Tòa án thông đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Thiên T1 vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung kháng cáo chị Nguyễn Thị Thu O cho thấy phần đất hiện nay anh T đang tranh chấp với phần đất của chị nguồn gốc trước đây của anh T do anh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của nhiều hộ dân tại ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang và được cấp quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 504, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.285m² và thửa đất số 650, tờ bản đồ số 4, diện tích 13.973m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình do anh T đại diện đứng tên. Năm 2004 anh T làm thủ tục tặng cho em ruột là Nguyễn Hoàng T3 đứng tên toàn bộ diện tích 02 thửa đất này. Mục đích anh T tặng cho anh T3 là để anh T3 giữ đất dùm anh. Do không định cư được nên đến năm 2006 anh T3 đã sang tên lại cho anh T đối với thửa đất số

650, đối với thửa đất số 504 anh T3 không đồng ý giao lại và anh T cũng không tranh chấp. Đến năm 2010, anh T3 đã chuyển nhượng cho em ruột anh là chị Nguyễn Thị Thu O thửa đất 504 và chị O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/9/2010. Sau khi chị O được đứng tên thì phát sinh tranh chấp, chị cho rằng con mương thuộc quyền sử dụng của chị và nằm trong thửa đất 504 do chị đứng tên. Anh T xác định khi nhận lại thửa đất 650 từ anh T3 là gồm cả diện tích tranh chấp (con mương). Chị O cho rằng khi nhận chuyển nhượng thửa đất từ anh T3 là gồm cả phần tranh chấp (con mương).

Giai đoạn giải quyết cấp sơ thẩm các bên đương sự thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ ngày 24/8/2020. Các bên thống nhất thừa nhận vào năm 2017 các bên từng tranh chấp diện tích đất này và Tòa án đã tiến hành đo đạc 02 lần nhưng không thực hiện được vì các đương sự không xác định được ranh giới. Đến lần thứ 3 thì Tòa án chỉ thực hiện được việc đo đạc phần diện tích đất của chị O và phần diện tích tranh chấp. Sau khi có kết quả đo đạc chị O không đồng ý ký tên vào sơ đồ bản vẽ. Tại phiên tòa hôm nay chị O trình bày việc không ký tên vào sơ đồ là do việc đo đạc không thể hiện tính khách quan. Tuy nhiên, chị O thừa nhận có chứng kiến đo đạc và diện tích đất đo đạc theo xác định của chị, đồng thời tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2023 (bút lục 137-138) thể hiện chị O đồng ý kết quả đo đạc theo phiếu xác nhận ngày 24/8/2020, các bên thống nhất không yêu cầu đo đạc lại.

Tại Công văn số 3136 ngày 31/10/2023 của UBND huyện C (bút lục 129) cũng xác định *“Theo biên bản đo đạc, ghi nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 22/12/2005 đối với thửa đất 650 tờ bản đồ số 4: ranh hướng tây thể hiện trọn mương 3,5m (mương của ông T) như vậy toàn bộ phần diện tích mương nêu trên thuộc thửa số 650 tờ bản đồ số 4 do ông Nguyễn Hoàng T3 chuyển quyền cho ông Nguyễn Hoàng T”*.

Ngày 21/6/2024 tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Thu O có yêu cầu Tòa án tạm dừng xét xử để chị có đơn yêu cầu đo đạc lại Tòa án ấn định cho chị O một tuần để thực hiện việc hợp đồng đo đạc nhưng chị O không có ý kiến và không cung cấp chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giải quyết vụ án. Tại phiên tòa chị O không cung cấp chứng cứ gì mới do đó việc kháng cáo của chị O là không có cơ sở.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Buộc chị Nguyễn Thị Thu O phải trả cho anh Nguyễn Hoàng T chi phí tố tụng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] *Về án phí*: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên chị Nguyễn Thị Thu O phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 164, Điều 166, Điều 169, Điều 175 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu O.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 23-02-2024 của Toà án nhân dân huyện C, Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu O chấm dứt hành vi cản trở anh Nguyễn Hoàng T thực hiện quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 126m².

Xác định phần con mương diện tích đất 126m² tọa lạc ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nằm trong phần đất thuộc thửa 650, tờ bản đồ số 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 056454 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Hoàng T ngày 18/8/2020. Phần đất 126m² có tứ cận:

Đông giáp phần đất 13m² thuộc thửa đất 504;

Tây giáp thửa đất 650;

Nam giáp thửa đất 650;

Bắc giáp thửa đất 650;

(có sơ đồ đo đạc diện tích đất tranh chấp kèm theo)

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu O trả lại chi phí tố tụng theo các biên lai thu chi phí tố tụng năm 2017. Anh Nguyễn Hoàng T được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị O đã đóng số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010954 ngày 07/3/2024 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện C sau khi được cản trừ chị O còn phải thi hành tiếp số tiền 300.000 đồng.

H1 lại anh Nguyễn Hoàng T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004265 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Về chi phí tố tụng:

Buộc chị Nguyễn Thị Thu O phải trả cho anh Nguyễn Hoàng T chi phí tố tụng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều